TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 120/2017/HNGĐ - ST
Ngày: 15 - 9 - 2017.
V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Hùng Phương.
Các hội thẩm nhân dân:
1. Ông Đào Văn Rạng.
2. Ông Đàm Văn Kiều.

- Thư ký phiên toà: Ông Vũ Tuấn Tú – Thư ký Toà án nhân dân huyện N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Ông Trần Thế Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 15/9/2017 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện N mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 94/2017/TLST - HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2017. Về tranh chấp xin ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2017/QĐXX - ST ngày 24/8/2017; Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2017/QĐST-HNGĐ ngày 07/9/2017 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Anh Đinh Trung T (Tức Đinh Văn T) – Sinh năm: 1971;
Địa chỉ: Xóm 3, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

+ Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H – Sinh năm: 1975;
Địa chỉ: Xóm 3, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa có mặt anh T, chị H

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện lập ngày 05/5/2017 cũng như lời khai anh Đinh Trung T (Tức Đinh Văn T) tại phiên tòa thể hiện: Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị H vào tháng 10/1993 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc, sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân vì vậy vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát cãi chửi nhau. Mặc dù đã được gia đình hai bên động viên khuyên bảo nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không được cải thiện. Đến tháng 6/2015

thì vợ chồng anh sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị H không còn mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đề nghị Tòa án nhân dân huyện N xem xét giải quyết cho anh được ly hôn chị Nguyễn Thị H.

Về con chung anh Đinh Trung T (Tức Đinh Văn T) trình bày: Giữa anh và chị H có hai con chung là cháu Đinh Thị H, sinh ngày 15/4/1995 (đã mất năm 2015) và cháu Đinh Mạnh H, sinh ngày 25/6/1997, vợ chồng ly hôn do con đã trưởng thành nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung của vợ chồng anh T khai vợ chồng anh có tài sản chung nhưng vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về án phí anh T đề nghị giải quyết theo quy định.

Tại phiên toà hôm nay cũng như tại các buổi làm việc với Tòa án bị đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị kết hôn với anh T vào tháng 10/1993 kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã N. Ngay sau khi kết hôn vợ chồng chung sống đã không hòa thuận hạnh phúc. Nguyên nhân là do trong quá trình chung sống anh T ham chơi cờ bạc, không quan tâm chăm sóc đến gia đình, dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát cãi chửi nhau. Đến tháng 6/2015 thì vợ chồng chị sống ly thân từ đó cho đến nay. Chị xác định tình cảm giữa chị và anh T không còn. Nay anh T xin ly hôn chị, chị không đồng ý ly hôn với anh Đinh Trung T vì con chưa xây dựng gia đình.

Về con chung chị H xác định vợ chồng chị có hai con chung là cháu Đinh Thị H, sinh ngày 15/4/1995 (đã mất năm 2015) và cháu Đinh Mạnh H, sinh ngày 25/6/1997, vợ chồng ly hôn do con đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung chị H xác định khai vợ chồng chị có tài sản chung nhưng vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến xét xử tại phiên toà hôm nay Thẩm phán thụ lý giải quyết cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung:

- Quan hệ hôn nhân: Anh Đinh Trung T có đơn xin ly hôn chị Nguyễn Thị H, chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nhưng do con chưa xây dựng gia đình nên chị không nhất trí ly hôn. Xét tình cảm vợ chồng anh T chị H không còn, mục đích hôn nhân không đạt được vậy đề nghị Hội đồng xét xử xử ly hôn giữa anh Trung T (Tức Đinh Văn T) với chị Nguyễn Thị H.

- Về con chung: Anh Đinh Trung T và chị Nguyễn Thị H có có hai con chung là cháu Đinh Thị H, sinh ngày 15/4/1995 (đã mất năm 2015) và cháu Đinh Mạnh H, sinh ngày 25/6/1997, vợ chồng ly hôn do con đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh Đinh Trung T và chị Nguyễn Thị H đều thống nhất xác định vợ chồng không có tài sản chung nhưng vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên không đặt ra giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên anh T phải nộp theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Cuộc hôn nhân giữa anh Đinh Trung T (Tức Đinh Văn T) và chị Nguyễn Thị H vào tháng 10 năm 1993 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã Nghĩa Phong là một hôn nhân tự do, tiến bộ và có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát cãi chửi nhau. Mặc dù được gia đình hai bên động viên khuyên giải nhưng không thành, anh T chị H đã sống ly thân nhau từ tháng 6/2015. Nay anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án nhân dân huyện N giải quyết vợ chồng anh được ly hôn với chị H. Về phía chị H, chị cho rằng tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T không còn, nhưng do con chưa xây dựng gia đình nên chị không đồng ý ly hôn với anh Đinh Trung T.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh ĐinhTrung T (Tức Đinh Văn T) và chị Nguyễn Thị H phát sinh từ đầu năm 2015, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6/2015 cho đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tạo điều kiện để hai bên có cơ hội đoàn tụ nhưng đến nay tình cảm vợ chồng anh T chị H vẫn không được cải thiện, vợ chồng anh T chị H vẫn sống ly thân mỗi người một nơi và cả anh T cũng như chị H đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, do vậy mục đích hôn nhân không đạt được. Nay anh T xin ly hôn xét thấy có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét quan điểm của chị Nguyễn Thị H không nhất trí ly hôn vì lý do con chưa xây dựng gia đình, nhưng chị H cũng thừa nhận tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T không còn, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6/2015 cho đến nay. Do vậy việc chị H không nhất trí ly hôn anh T là không có căn cứ vì vậy không được chấp nhận.

[2] Về con chung: Anh Đinh Trung T (Tức Đinh Văn T) và chị Nguyễn Thị H đều thống nhất xác định vợ chồng có hai con chung là cháu Đinh Thị H, sinh ngày 15/4/1995 (đã mất năm 2015) và cháu Đinh Mạnh H, sinh ngày 25/6/1997, vợ chồng ly hôn do con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết là phù hợp.

[3] Về tài sản chung vợ chồng: Anh Đinh Trung T (Tức Đinh Văn T) và chị Nguyễn Thị H đều thống nhất xác định vợ chồng có tài sản chung nhưng vợ chồng

tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết là phù hợp.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm anh Đinh Trung T (Tức Đinh Văn T) phải nộp theo quy định của pháp luật.

Quan điểm đề nghị về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 6 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[1] Xử ly hôn giữa anh Đinh Trung T (Tức Đinh Văn T) và chị Nguyễn Thị H.

[2] Án phí dân sự sơ thẩm anh Đinh Trung T (Tức Đinh Văn T) phải nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp theo biên lai số BB/2012/06079 ngày 14/6/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N, anh T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn. Báo cho người có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Phạm Hùng Phương

Nơi nhận:
- Toà án Tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã N;
- Lưu văn phòng; HSVA.